Biểu mẫu 10 (Thông tư 36-TT-BGDĐT)

UBND QUẬN LIÊN CHIỂU
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGÔ THÌ NHẬM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Liên Chiểu, ngày 30 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường Trung học cơ sở Ngô Thì Nhậm năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Số học sinh chia theo hạnh kiểm				
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	KXL
I	**Khối 6**	528	**515**	**12**	**1**	0	**0**
	(tỷ lệ % so với tổng số)		97,54	2,27	0,19	0	0
	Khối 7	345	**326**	**19**	**0**	0	**0**
	(tỷ lệ % so với tổng số)		94,49	5,51	0	0	0
Tổng cộng 6, 7:		873	**841**	**31**	**1**	0	**0**
			96,33	3,55	0,11	0	0

STT	Khối lớp	Tổng số	Số học sinh chia theo hạnh kiểm			
			Tốt	Khá	Trung Bình	Yếu
	Khối 8	431	419	12	**0**	**0**
	(tỷ lệ % so với tổng số)		97,22	2,78	0	0
	Khối 9	384	366	16	**2**	**0**
	(tỷ lệ %so với tổng số)		95,31	4,17	0,52	0
Tổng cộng 8, 9:		815	**785**	**28**	**2**	**0**
			96,32	**3,44**	**0,25**	**0**

STT	Nội dung	Tổngsố	Số học sinh chia theo học lực				
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	KXL
II	**Khối 6**	528	**221**	**169**	**132**	**6**	**0**
	(tỷ lệ % so với tổng số)		41,86	32,01	25,0	1,14	0
	Khối 7	345	**114**	**108**	**109**	**14**	**0**
	(tỷ lệ % so với tổng số)		33,04	31,30	31,59	4,06	0
Tổng cộng 6, 7:		873	**335**	**277**	**241**	**20**	**0**
			38,37	31,73	27,61	2,69	0

	Số học sinh chia theo học lực	Tổng số	Số học sinh chia theo học lực				
			Giỏi	Khá	Trung Bình	Yếu	Kém
	Khối 8	431	156	158	**110**	7	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)		36,19	36,66	25,52	1,62	0

	Khối 9	384	71	145	**167**	**0**	1
	(tỷ lệ %so với tổng số)		18,49	37,76	43,49	0	0,26
Tổng cộng 8, 9:		815	227	303	**277**	**7**	1
			27,85	37,18	**33,99**	**0,86**	0.12
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**Toàn Trường**	**Khối 6**	**Khối 7**	**Khối 8**	**Khối 9**	
1	Lên lớp	**1660**	522	331	424	383	
	(tỷ lệ so với tổng số)	98,34	98,86	95,94	98,38	99,74	
a	Học sinh giỏi	562	**221**	**114**	156	71	
	(tỷ lệ so với tổng số)	33,29	41,86	33,04	36,19	18,49	
b	Học sinh tiên tiến	580	**169**	**108**	158	145	
	(tỷ lệ so với tổng số)	34,36	32,01	31,30	36,66	37,76	
2	Thi lại	27	6	14	7	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	1,60	1,16	4,06	1,62	0	
3	Lưu ban	1	0	0	0	1	
	(tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0,003	
4	Chuyển trường đến	5	1	1	0	3	
	(tỷ lệ so với tổng số)						
5	Chuyển trường đi	9	3	2	4	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)						
6	Bị đuổi học						
	(tỷ lệ so với tổng số)						
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)						
	(tỷ lệ so với tổng số)						
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**						
1	Cấp quận				26		
2	Cấp thành phố					23	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế						
V	**Số học sinh dự xét tốt nghiệp THCS**					384	
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**					**383**	
1	Giỏi					71	
	(tỷ lệ so với tổng số)					18,49%	
2	Khá					145	
	(tỷ lệ so với tổng số)					37,76%	
3	Trung bình					167	
	(tỷ lệ so với tổng số)					43,49%	

VII	**Số học sinh thi đỗ lớp 10 THPT công lập**					232/335
	(tỷ lệ so với tổng số)					69,25%
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**1688/837**	**528/248**	345/188	431/217	384/184
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	7	2	1	4	2

Nơi nhận:
- Niêm yết công khai bảng tin, Website;
- Lưu: VT, hồ sơ ba công khai.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN Q. LIÊN CHIỂU TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGÔ THÌ NHẬM

Phạm Thanh Bửu